

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

Mẹ!
Có nghĩa là duy nhất
Một bầu trời
Một mặt đất
Một vàng trắng
Mẹ không sống đủ trăm năm
Nhưng đã cho con dư dả nụ cười và tiếng hát.

Chỉ có một lần mẹ không ngăn con khóc
Là khi mẹ không thể nào lau nước mắt cho con
Là khi mẹ không còn
Hoa hồng đỏ từ đây hóa trắng...

... Mẹ!
Có nghĩa là ánh sáng
Một ngọn đèn thấp bằng máu con tim
Cái đóm lửa thiêng liêng
Cháy trong bão bùng, cháy trong đêm tối.

Mẹ!
Có nghĩa là mãi mãi
Là cho đi không đòi lại bao giờ...

(Trích “Ngày xưa có mẹ” - Thanh Nguyên)

Câu 1: (0,5 điểm) Xác định thể thơ của đoạn trích thơ trên?

Câu 2: (0,5 điểm)

Ở khổ thơ thứ ba, tác giả đã sử dụng hình ảnh nào để miêu tả về Mẹ?

Câu 3: (1.0 điểm)

So sánh nghĩa của từ “ mặt” trong câu thơ “một mặt đất” và “ mặt” trong câu “một mặt người bằng mười mặt của”. Từ đó em hãy cho biết từ “mặt” trong 2 câu trên là từ đồng âm hay đa nghĩa?

Câu 4: (1.0 điểm) Nêu nội dung của văn bản trên?

Câu 5: (1.0 điểm) Qua văn bản trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân mình?

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

Từ ngữ liệu ở phần đọc - hiểu, em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc của em về đoạn trích bài thơ “*Ngày xưa có mẹ*” của nhà thơ Thanh Nguyên.

Câu 2: (4.0 điểm)

Tình trạng xả rác bừa bãi đang gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng cho môi trường sống. Em hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của mình về hiện tượng này.

----- **Hết** -----

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ: thơ tự do	0,5
	2	Hình ảnh miêu tả về mẹ: mẹ là ánh sáng.	0,5
	3	- Mặt đất: "mặt" chỉ bề mặt ngoài, phần trên cùng của một vật thể (trong trường hợp này là Trái Đất - Mặt người bằng mười mặt của": "mặt" chỉ khuôn mặt, bộ phận trên khuôn mặt của con người -> Từ "mặt" trong 2 câu trên là từ đa nghĩa.	0,25 0,25 0,5
	4	Nội dung: nhấn mạnh sự duy nhất và những điều tuyệt diệu mẹ đã đem đến cho chúng ta.	1,0
	5	Bài học: - Biết ơn và trân trọng tình cảm to lớn, sự hy sinh của mẹ dành cho mình. - Cần phải biết yêu quý trọng mẹ mình và luôn cố gắng làm mẹ vui lòng.	0,5 0,5
II		VIẾT	6,0
		1. Viết đoạn văn	2,0
		<i>a. Hình thức:</i>	0,5
		- Đảm bảo yêu cầu về hình thức của một đoạn văn. - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.	
		<i>b. Nội dung.</i>	
		Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả, cảm xúc chung về bài thơ (câu chủ đề).	1,5
		Thân đoạn: - Trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ: + Thông qua các biện pháp tu từ như so sánh "mẹ" như "bầu trời", "mặt đất", "vàng trắng"; điệp từ: "một"; hình ảnh ẩn dụ: mẹ là "ngọn đèn" cho thấy được sự thiêng liêng, những điều quý giá tuyệt vời chỉ mẹ mang lại cho chúng ta. + Mẹ không chỉ là người đã sinh ra và nuôi dưỡng con mà còn là ngọn đèn soi sáng cho con bước đi trong cuộc sống. + Dù hoa hồng đã hoá trắng, dù không còn hiện diện vật chất nhưng tình yêu của mẹ vẫn mãi tồn tại và lan tỏa trong con. - Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ có trong bài thơ như: "ánh sáng", "ngọn đèn", "cho đi không đòi lại bao giờ".	

	<p>- Tình cảm trân trọng của tác giả dành cho mẹ là trân trọng yêu thương qua ngôn ngữ gần gũi và chân thành.</p> <p>Kết đoạn: khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.</p>	
	2. Viết bài văn	4,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn trình bày một hiện tượng đời sống.</i>	0,25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> là trình bày hiện tượng vứt rác bừa bãi.	0,25
	<p><i>c. Bài văn cần bảo đảm các yêu cầu:</i></p> <p>- Lựa chọn được phương thức biểu đạt phù hợp.</p> <p>- Trình bày hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn trình bày một hiện tượng đời sống:</p> <p>a) HS trình bày hiện tượng đời sống cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>a. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu hiện tượng: Trong cuộc sống hiện đại, bên cạnh sự phát triển kinh tế thì vấn đề ô nhiễm môi trường đang trở nên nhức nhối, đặc biệt là hiện tượng vứt rác bừa bãi ở nơi công cộng.</p> <p>- Ý kiến của người viết: Đây là một thói quen xấu, một hành vi thiếu văn hóa gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cảnh quan và sức khỏe cộng đồng cần phải được loại bỏ.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>- Lí lẽ 1: Vứt rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người.</p> <p>- Bằng chứng: Rác thải (túi nilon, chai nhựa, thức ăn thừa...) tích tụ lâu ngày tại kênh rạch, vỉa hè sẽ phân hủy, bốc mùi hôi thối. Đây là môi trường thuận lợi cho vi khuẩn, ruồi muỗi phát triển, từ đó lây lan các dịch bệnh như sốt xuất huyết, tiêu chảy, các bệnh về đường hô hấp.</p> <p>- Lí lẽ 2: Hành động này làm mất mỹ quan đô thị và thể hiện lối sống thiếu ý thức.</p> <p>- Bằng chứng: Những danh lam thắng cảnh, công viên hay trường học vốn đẹp đẽ nhưng lại ngập tràn rác sau mỗi sự kiện hoặc buổi tham quan. Điều này tạo hình ảnh xấu trong mắt bạn bè quốc tế và cho thấy sự xuống cấp trong ý thức giữ gìn vệ sinh chung của một bộ phận người dân.</p> <p>- Lí lẽ 3: Việc vứt rác bừa bãi tạo ra hệ lụy kinh tế cho xã hội.</p> <p>- Bằng chứng: Nhà nước phải tốn kém rất nhiều ngân sách và nhân lực cho công tác thu gom, xử lý rác thải và khơi thông cống rãnh bị tắc nghẽn do rác mỗi khi mùa mưa đến gây ngập lụt.</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định lại vấn đề: Vứt rác bừa bãi là hành vi đáng phê phán và cần được chấm dứt ngay lập tức để bảo vệ hành tinh xanh.</p> <p>- Rút ra bài học và liên hệ bản thân:</p> <p>+ Mỗi người cần tự giác bỏ rác đúng nơi quy định, hạn chế sử</p>	2.5

	<p>dụng đồ nhựa dùng một lần. + Cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục ý thức từ trong nhà trường và áp dụng các chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với những hành vi vi phạm. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p>d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,5
	<p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, có cách diễn đạt sinh động, sáng tạo...</p>	0,5

HẾT

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

ĐỪNG SỢ VẤP NGÃ

Đã bao lần bạn vấp ngã mà không hề nhớ. Lần đầu tiên chập chững bước đi, bạn đã bị ngã. Lần đầu tiên tập bơi, bạn uống nước và suýt chết đuối phải không? Lần đầu tiên chơi bóng bàn, bạn có đánh trúng bóng không? Không sao đâu vì ...

Walt Disney từng bị toà báo sa thải vì thiếu ý tưởng. Ông cũng ném mùi phả sản nhiều lần trước khi sáng tạo nên Disneyland.

Lúc còn học phổ thông, Louis Pasteur chỉ là một học sinh trung bình. Về môn Hoá, ông đứng hạng 15 trong số 22 học sinh của lớp.

Lev Tolstoy, tác giả của bộ tiểu thuyết nổi tiếng Chiến tranh và hoà bình, bị đình chỉ học đại học vì "vừa không có năng lực, vừa thiếu ý chí học tập".

Henry Ford thất bại và cháy túi tới năm lần trước khi thành công.

Ca sĩ opera nổi tiếng Enrico Caruso bị thầy giáo cho là thiếu chất giọng và không thể nào hát được.

Vậy xin bạn chớ lo sợ thất bại. Điều đáng sợ hơn là bạn đã bỏ qua nhiều cơ hội chỉ vì không cố gắng hết mình.

(Theo Trái tim có điều kỳ diệu)

Thực hiện các yêu cầu/ Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định thể loại của văn bản trên?

Câu 2. (0,5 điểm) Văn bản trên bàn luận về vấn đề gì?

Câu 3. (1,0 điểm)

Từ “*sa thải*” là từ vay mượn tiếng nước nào và giải thích nghĩa của nó trong câu sau: “*Walt Disney từng bị toà báo sa thải vì thiếu ý tưởng.*”

Câu 4. (1,0 điểm)

Đề chứng minh cho vấn đề nghị luận, tác giả đã đưa ra những tấm gương nào? (Em hãy liệt kê ít nhất 03 tấm gương được nhắc đến trong văn bản).

Câu 5. (1,0 điểm)

Em rút ra được bài học gì từ văn bản trên?

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc về bài thơ “*Mẹ và quả*” của tác giả Nguyễn Khoa Điềm.

MẸ VÀ QUẢ

*Những mùa quả mẹ tôi hái được
Mẹ vẫn trông vào tay mẹ vun trồng*

*Những mùa quả lặn rồi lại mọc
Như mặt trời, khi như mặt trăng*

*Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rỏ xuống lòng thâm lặng mẹ tôi*

*Và chúng tôi, một thứ quả ngọt trên đời
Bảy mươi tuổi mẹ đợi chờ được hái
Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi
Mình vẫn còn một thứ quả non xanh?*

(Nguyễn Khoa Điềm)

Câu 2. (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) kể lại một trải nghiệm chuyến về thăm quê của em.

--- Hết ---

MD: V602

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Xác định thể loại của văn bản trên? Văn bản nghị luận (nghị luận về một vấn đề trong đời sống)	0,5
	2	Văn bản trên bàn luận về vấn đề gì? Văn bản bàn luận về việc: đừng sợ vấp ngã/thất bại trong cuộc sống.	0,5
	3	Từ “sa thải” là từ vay mượn tiếng nước nào và giải thích nghĩa của nó trong câu sau: “Walt Disney từng bị tòa báo sa thải vì thiếu ý tưởng.” - Từ mượn tiếng Hán (Hán Việt). - “Sa thải” có nghĩa là đuổi việc, buộc phải thôi việc vì không đáp ứng được yêu cầu.	0,5
			0,5
	4	Đề chứng minh cho vấn đề nghị luận, tác giả đã đưa ra những tấm gương nào? (Em hãy liệt kê ít nhất 03 tấm gương được nhắc đến trong văn bản). - Walt Disney: Từng bị sa thải và phá sản nhiều lần. - Louis Pasteur: Từng là học sinh trung bình (đứng hạng 15/22 môn Hóa). - Lev Tolstoy: Bị đình chỉ đại học vì bị đánh giá thiếu năng lực và ý chí. - Henry Ford: Thất bại và cháy túi 5 lần. - Enrico Caruso: Bị thầy giáo chê thiếu chất giọng.	1,0
5	Em rút ra được bài học gì từ văn bản trên? - Đừng sợ hãi trước những lần vấp ngã hay thất bại ban đầu. - Hãy kiên trì, nỗ lực hết mình để nắm bắt cơ hội và đạt được thành công. - Thất bại chỉ là thử thách, không phải là kết thúc. - Thất bại giúp chúng ta rút ra kinh nghiệm để dễ dàng thành công.	0,25	
		0,25	
		0,25	
		0,25	
II		VIẾT	6,0
	1	Đề: Em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc về bài thơ “ <i>Mẹ và quả</i> ” của tác giả Nguyễn Khoa Điềm.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn.	0,25
		b. Xác định đúng đối tượng/vấn đề: ghi lại cảm xúc về bài thơ “ <i>Mẹ và quả</i> ” của tác giả Nguyễn Khoa Điềm.	0,25
		c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Dùng ngôi thứ nhất để viết.	1,0

	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng các từ ngữ để liên kết các câu. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục đoạn văn <p>* Mở đoạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu: Tên bài thơ “<i>Mẹ và quả</i>”, tên tác giả Nguyễn Khoa Điềm. - Cảm xúc chung: Bài thơ khiến em xúc động trước tình yêu thương và sự hy sinh của người mẹ dành cho con cái. <p>* Thân đoạn</p> <p>a. Cảm xúc về sự vất vả của mẹ (Những mùa quả)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẹ hiện lên qua hình ảnh một người nông dân cần cù: “<i>vun trồng</i>”, “<i>hái</i>”. - Những mùa quả “<i>bí, bầu</i>” lớn lên từ “<i>giọt mồ hôi mặn</i>” của mẹ. - Cảm nhận: Em thấy thương mẹ vì để có được những trái chín, mẹ đã phải làm việc vất vả, thầm lặng suốt nhiều năm tháng. <p>b. Cảm xúc về sự lớn lên của người con</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả so sánh rất hay: Con cũng là một thứ “<i>quả ngọt</i>” mà mẹ dành cả đời để chăm sóc. - Con lớn lên trong tình yêu thương của mẹ “<i>được mẹ bế bồng, nuôi dưỡng từ bàn tay mẹ</i>”. <p>c. Cảm xúc trước nỗi lo của tác giả (Khổ thơ cuối)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh “<i>Bàn tay mẹ mỏi</i>”: Gợi sự già đi của mẹ theo thời gian (già yếu, sức cạn). - Hình ảnh “<i>Quả non xanh</i>”: Chỉ những người con vẫn còn dại khờ, chưa trưởng thành, chưa giúp đỡ được gì cho mẹ. - Cảm nhận: Câu thơ khiến em giật mình và tự hỏi bản thân đã ngoan chưa, đã làm gì để mẹ vui lòng chưa? Em thấy lo sợ một ngày mẹ già yếu mà mình vẫn chưa khôn lớn. <p>d. Điểm đặc sắc về nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách so sánh gần gũi “<i>bí, bầu, quả non, quả chín</i>”. - Ngôn từ giản dị, giống như lời tâm sự chân thành. <p>* Kết đoạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý nghĩa: Bài thơ giúp em hiểu thêm về công ơn trời biển của mẹ. - Lời hứa/Hành động: Em tự hứa sẽ cố gắng học tập, giúp đỡ mẹ để sớm trở thành “<i>quả chín</i>”, không để mẹ phải lo lòng. 	
	d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Đề: Viết một bài văn (khoảng 600 chữ) kể lại trải nghiệm một chuyến về thăm quê của em.	4,0
	a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn tự sự Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn	0,25
	b. Xác định đúng yêu cầu của bài văn: văn tự sự kể về một trải nghiệm của bản thân.	0,5

c. Viết được bài văn tự sự bảo đảm các yêu cầu:

- Người kể sử dụng ngôi thứ nhất.
- Các sự việc được trình bày theo trình tự thời gian.
- Đảm bảo kể được đầy đủ các sự việc quan trọng trong truyện.
- Bài văn gồm có ba phần:

* **Mở bài:** Dẫn dắt và giới thiệu chuyện về quê.

* **Thân bài****a. Trước chuyến về quê**

- Năm học kết thúc, em đạt được danh hiệu học sinh giỏi và nỗ lực cả một năm học qua, kì nghỉ hè được biết mình sẽ về quê, em rất vui.
- Em có một ngày để chuẩn bị đồ đạc và quà cho mọi người ở quê. Bên cạnh quà cáp cho ông bà, em mua một vài vật dụng hữu ích cho các em nhỏ ở quê. Mọi thứ đã được sắp xếp gọn gàng, chỉ chờ lúc lên đường.
- Tối hôm đấy, em ngủ sớm hơn mọi ngày để mai sẽ đi một chặng đường dài về quê. Thế mà lòng em thao thức mãi không ngủ được, hồi hộp và mong chờ đến ngày mai.

b. Trên đường và khi về quê

- Chuyến xe lăn bánh, cả nhà em cùng háo hức và vui vẻ về quê. Không ai nói với ai điều gì nhưng mọi người đều toát lên vẻ vui tươi, nói cười vui vẻ và nhắc lại những câu chuyện ngày còn ở quê.
- Chuyến xe chẳng mấy chốc đã về tới đầu làng. Qua khung cửa kính ô tô, em ngắm nhìn cảnh sắc quê hương. Bình dị và thân thương đến lạ với dòng sông êm đềm, mái đình cong cong, bến nước con thuyền...
- Vừa về đến nhà ông bà nội, em cất tiếng chào thật to. Từ trong nhà, ông bà vội vã đi ra, khuôn mặt ánh lên niềm vui và ôm chầm lấy các con, các cháu.
- Ông bà đã phần nào già và yếu hơn những ai này cũng toát lên vẻ hiền từ, phúc hậu như những ông tiên bà bụt với mái tóc bạc phơ và nụ cười nhân hậu.
- Vào trong nhà nghỉ ngơi, ông bà và các bác không ngớt hỏi về tình hình gia đình và kết quả học tập của em. Ông bà lại kể những chuyện ở quê, về tình cảm mọi người giành cho gia đình em kể từ khi chuyển lên phố. Em thấy hiện lên trên những khuôn mặt là niềm vui, niềm tự hào dành cho các cháu; là ánh mắt ánh lên niềm động viên, khích lệ.
- Em và các anh chị ở quê cùng đi chơi. Đã lâu lắm rồi, em mới sống trong một bầu không khí thanh bình và an nhiên đến vậy, hòa hợp cùng thiên nhiên. Tuổi thơ hồn nhiên, trong sáng trở lại với những trò chơi dân gian, những câu chuyện cổ tích dưới ánh trăng...
- Em ở lại chơi cùng ông bà một tuần và trở lại nhà. Biết bao bịn rịn và quyến luyến, ông bà dặn dò kĩ lưỡng và tặng cho em rất nhiều thức quà quê.

	<p>* Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu cảm nghĩ về chuyện về quê - Chuyện về quê thật ý nghĩa và đáng nhớ. Đó là hành trang, là động lực khích lệ em học tập, rèn luyện thật tốt. <p><i>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	
	d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, có cách diễn đạt sinh động, sáng tạo...	0,5
Tổng điểm		10,0

HẾT

I. ĐỌC - HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Sống trung thực không phải là một điều dễ dàng, bởi nó đòi hỏi chúng ta phải có một lòng dũng cảm kiên định. Đôi khi, nói thật có thể khiến ta mất đi một lợi ích trước mắt, làm phật lòng một người bạn hay thậm chí đẩy ta vào những tình thế bất lợi. Thế nhưng, cái giá của sự gian dối còn đắt hơn nhiều. Một lời nói dối giống như một vết nứt trên mặt kính, dù ta có cố gắng hàn gắn bằng bao nhiêu lớp keo của những lời nói dối khác, vết nứt ấy vẫn luôn ở đó, nhắc nhở về sự thiếu toàn vẹn của tâm hồn. Người trung thực có thể không phải là người giàu có nhất về vật chất, nhưng họ là những người giàu có nhất về sự thanh thản. Khi bạn trung thực với chính mình và với thế giới, bạn không cần phải ghi nhớ những gì mình đã nói để đối phó, bạn chỉ đơn giản là sống và tỏa sáng với bản chất thật của mình.”

(Trích Lặng lẽ tỏa hương, NXB Tổng hợp TP.HCM)

Câu 1. (0,5 điểm)

Nêu chủ đề của đoạn trích trên?

Câu 2. (0,5 điểm)

Theo tác giả, tại sao sống trung thực lại “không phải là một điều dễ dàng” ?

Câu 3. (1,0 điểm)

Chỉ ra phép liên kết hình thức được sử dụng trong câu: “Đôi khi, nói thật có thể khiến ta mất đi một lợi ích trước mắt, làm phật lòng một người bạn hay thậm chí đẩy ta vào những tình thế bất lợi. Thế nhưng, cái giá của sự gian dối còn đắt hơn nhiều”.

Câu 4. (1,0 điểm)

Em có đồng tình với ý kiến: “Người trung thực có thể không phải là người giàu có nhất về vật chất, nhưng họ là những người giàu có nhất về sự thanh thản” không? Vì sao?

Câu 5. (1,0 điểm)

Qua đoạn trích trên, em rút ra bài học gì cho bản thân mình?

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ ngữ liệu trên, hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của đức tính trung thực trong đời sống.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết một bài văn (khoảng 600 chữ) thể hiện tình cảm của em đối với một người thân trong gia đình mà em yêu thương nhất.

----- Hết -----

Phần	Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
		ĐỌC HIỂU	4,0
I	1	Nêu chủ đề của đoạn trích trên? - Chủ đề: Ý nghĩa và giá trị của lối sống trung thực trong cuộc sống.	0,5
	2	Theo tác giả, tại sao sống trung thực lại "không phải là một điều dễ dàng"? Theo tác giả, sống trung thực không dễ dàng vì: - Nó đòi hỏi con người phải có lòng dũng cảm kiên định. - Nói thật có thể làm ta mất đi lợi ích trước mắt, làm phật lòng bạn bè hoặc đẩy ta vào những tình thế bất lợi.	0,5
	3	Chỉ ra phép liên kết hình thức được sử dụng trong hai câu văn đã cho? Phép liên kết: Phép nối: Sử dụng từ ngữ nối “ Thế nhưng ” ở đầu câu thứ hai để thể hiện quan hệ nghịch đối với câu thứ nhất.	1,0
	4	Em có đồng tình với ý kiến: “Người trung thực có thể không phải là người giàu có nhất về vật chất, nhưng họ là những người giàu có nhất về sự thanh thản” không? Vì sao? Gợi ý: - Em đồng tình. - Vì: + Người trung thực thường từ chối những lợi ích bất chính, không làm giàu bằng mọi thủ đoạn nên có thể họ không quá giàu có về vật chất. + Họ không phải lo lắng che đậy hay sống trong nỗi sợ hãi bị phát hiện dối trá. Sự tự trọng và lòng tin từ mọi người xung quanh chính là tài sản vô giá mà tiền bạc không mua được. <i>Lưu ý: GV linh động trong quá trình chấm điểm, HS có thể diễn đạt khác nhưng đúng nội dung vẫn được tính điểm.</i>	1,0
	5	Qua đoạn trích trên, em rút ra bài học gì cho bản thân mình? Bài học gợi ý: - Hiểu rằng trung thực với chính mình và mọi người là cách tốt nhất để xây dựng uy tín và có được sự bình yên trong cuộc sống. - Cần rèn luyện đức tính trung thực để được mọi người tin tưởng, yêu quý. - Tránh xa sự gian dối; - Sẵn sàng chấp nhận mất đi lợi ích nhỏ để giữ lấy uy tín và phẩm giá của bản thân;... <i>Lưu ý: Học sinh chỉ cần nêu được ba bài học bất kỳ, miễn là hợp lý thì được trọn điểm.</i>	1,0

II	VIẾT	6,0
1	<p>Đề: Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của đức tính trung thực trong đời sống.</p> <p>- Đảm bảo cấu trúc, hình thức đoạn văn; xác định đúng yêu cầu của đề.</p> <p><i>*Triển khai đoạn văn cần đảm bảo các yêu cầu:</i></p> <p>1. Mở đoạn: Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung thực là một trong những phẩm chất đạo đức quan trọng của con người. - Trong đời sống, nó giữ vai trò vô cùng cần thiết. <p>2. Thân đoạn:</p> <p>a) Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung thực là sống thật thà, ngay thẳng, tôn trọng sự thật, không nói dối, không gian lận, dám nhận lỗi khi sai. <p>b) Biểu hiện của đức tính trung thực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong học tập: không quay cóp, không gian lận trong kiểm tra, thi cử, tự làm bài bằng khả năng của mình. - Trong cuộc sống: không nói dối cha mẹ, thầy cô; nhận được của rơi trả lại cho người mất. <p>c) Ý nghĩa của đức tính trung thực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp bản thân trở thành người tốt. - Được mọi người quý trọng, tin tưởng. <p>3. Kết đoạn:</p> <p>Khẳng định lại giá trị của đức tính trung thực và nêu suy nghĩ của bản thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung thực là đức tính cần thiết và quý giá. - Mỗi người, đặc biệt là học sinh, cần rèn luyện và giữ gìn đức tính trung thực trong học tập và đời sống hằng ngày. <p>- Diễn đạt mạch lạc, không sai chính tả, lập luận chặt chẽ, sáng tạo.</p>	<p>2,0</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
2	<p>Đề: Viết một bài văn (khoảng 600 chữ) thể hiện tình cảm của em đối với một người thân trong gia đình mà em yêu thương nhất.</p> <p>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn biểu cảm</p> <p>Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.</p> <p>b. Xác định đúng yêu cầu của bài văn: Bài văn biểu cảm về một người thân trong gia đình mà em yêu thương nhất.</p> <p>c. Triển khai các phần của bố cục: Học sinh có thể sắp xếp các ý theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những yêu cầu sau:</p> <p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt, giới thiệu người thân em muốn biểu cảm, khái quát tình cảm của em dành cho người thân đó. <p>b. Thân bài:</p>	<p>4,0</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,75</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Miêu tả những chi tiết về ngoại hình gợi cho em cảm xúc sâu sắc: (Ví dụ: vóc dáng, mái tóc, đôi mắt, nụ cười, đôi bàn tay,..) - Nêu cảm xúc của em về tính cách nổi bật của người thân. - Kể lại một kỷ niệm sâu sắc cho thấy tình yêu thương vô bờ bến của người thân dành cho em (Kể về một lần người thân dạy em một bài học cuộc sống, hoặc một lần họ phải hi sinh lợi ích cá nhân vì em...) và thể hiện cảm xúc của em về kỷ niệm đó. 	0,5
	<p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định tình cảm của em dành cho người thân. - Nêu lên lời hứa, mong ước của bản thân đối với người thân. 	0,75
	<i>d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</i>	0,25
	<i>e. Sáng tạo: Thể hiện cảm xúc sâu sắc, có cách diễn đạt sinh động, sáng tạo.</i>	0,25
Tổng điểm		10,0

----- Hết -----

MD: V702

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Sống trung thực không phải là một điều dễ dàng, bởi nó đòi hỏi chúng ta phải có một lòng dũng cảm kiên định. Đôi khi, nói thật có thể khiến ta mất đi một lợi ích trước mắt, làm phật lòng một người bạn hay thậm chí đẩy ta vào những tình thế bất lợi. Thế nhưng, cái giá của sự gian dối còn đắt hơn nhiều. Một lời nói dối giống như một vết nứt trên mặt kính, dù ta có cố gắng hàn gắn bằng bao nhiêu lớp keo của những lời nói dối khác, vết nứt ấy vẫn luôn ở đó, nhắc nhở về sự thiếu toàn vẹn của tâm hồn. Người trung thực có thể không phải là người giàu có nhất về vật chất, nhưng họ là những người giàu có nhất về sự thanh thản. Khi bạn trung thực với chính mình và với thế giới, bạn không cần phải ghi nhớ những gì mình đã nói để đối phó, bạn chỉ đơn giản là sống và tỏa sáng với bản chất thật của mình.”

(Trích *Lặng lẽ tỏa hương*, NXB Tổng hợp TP.HCM)

Câu 1. (0,5 điểm) Nêu chủ đề của đoạn trích trên?

Câu 2. (0,5 điểm)

Theo tác giả, tại sao sống trung thực lại “không phải là một điều dễ dàng”?

Câu 3. (1,0 điểm)

Chỉ ra số từ và cho biết nó bổ sung ý nghĩa gì trong câu sau: *Đôi khi, nói thật có thể khiến ta mất đi một lợi ích trước mắt, làm phật lòng một người bạn hay thậm chí đẩy ta vào những tình thế bất lợi. Thế nhưng, cái giá của sự gian dối còn đắt hơn nhiều.*

Câu 4. (1,0 điểm)

Em có đồng tình với ý kiến: “*Người trung thực có thể không phải là người giàu có nhất về vật chất, nhưng họ là những người giàu có nhất về sự thanh thản*” không? Vì sao?

Câu 5. (1,0 điểm)

Qua đoạn trích trên, em rút ra bài học gì cho bản thân mình?

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Qua ngữ liệu trên, hãy viết đoạn văn ngắn (Khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của đức tính trung thực trong đời sống.

Câu 2: (4,0 điểm)

Em hãy viết một bài văn (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề lười biếng trong học tập của học sinh hiện nay.

--- HẾT ---

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Nêu chủ đề của đoạn trích trên? - Chủ đề: Ý nghĩa và giá trị của lối sống trung thực trong cuộc sống	0,5
	2	Theo tác giả, tại sao sống trung thực lại “không phải là một điều dễ dàng”? - Nó đòi hỏi con người phải có một lòng dũng cảm kiên định. - Nói thật có thể dẫn đến những tổn thất cụ thể như: mất đi lợi ích trước mắt, làm phật lòng bạn bè, hoặc đẩy bản thân vào những tình thế bất lợi.	0,5
	3	Chỉ ra số từ và cho biết nó bổ sung ý nghĩa gì trong câu sau: <i>Đôi khi, nói thật có thể khiến ta mất đi một lợi ích trước mắt, làm phật lòng một người bạn hay thậm chí đẩy ta vào những tình thế bất lợi. Thế nhưng, cái giá của sự gian dối còn đắt hơn nhiều.</i> - Số từ “một” bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ “lợi ích”. - Số từ “một” bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ “người bạn”.	1,0
	4	Em có đồng tình với ý kiến: “Người trung thực có thể không phải là người giàu có nhất về vật chất, nhưng họ là những người giàu có nhất về sự thanh thản” không? Vì sao? Gợi ý: - Em đồng tình, vì: + Người trung thực thường từ chối những lợi ích bất chính, không làm giàu bằng mọi thủ đoạn nên có thể họ không quá dư dả. + Họ không phải lo lắng, che đậy hay sống trong nỗi sợ hãi bị phát hiện dối trá. Sự tự trọng và lòng tin từ mọi người xung quanh chính là tài sản vô giá mà tiền bạc không mua được.	1,0
5	Qua đoạn trích trên, em rút ra bài học gì cho bản thân mình? - Thông điệp: + Cần rèn luyện lòng dũng cảm để luôn bảo vệ sự thật. + Hiểu rằng sự chân thành, trung thực với chính mình và mọi người là cách tốt nhất để xây dựng uy tín và có được sự bình yên trong cuộc sống. + Tránh xa sự gian dối, vì một lời nói dối sẽ dẫn đến nhiều lời nói dối khác, làm hoen ố nhân cách của bản thân. Lưu ý: Học sinh chỉ cần nêu được hai thông điệp bất kỳ, miễn là phù hợp với nội dung văn bản và chuẩn mực đạo đức.	1,0	

II	VIẾT	6,0
1	<p>Đề bài: Qua ngữ liệu trên, hãy viết đoạn văn ngắn (Khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của đức tính trung thực trong đời sống</p> <p><i>a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn Nghị luận</i></p> <p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Viết đoạn văn nêu cảm nhận ý nghĩa của đức tính trung thực</p> <p><i>c. Nội dung</i> - Mở đoạn: Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận: Đức tính trung thực - Thân đoạn: + Giải thích: Trung thực là một trong những phẩm chất đạo đức quan trọng của con người. Trong đời sống, nó giữ vai trò vô cùng cần thiết và ý nghĩa. + Biểu hiện của đức tính trung thực: Trong học tập và trong thi cử + Ý nghĩa của đức tính trung thực: Được mọi người tin tưởng, yêu quý. Giúp bản thân trở thành người tốt. - Kết đoạn: Khẳng định lại giá trị của đức tính và nêu suy nghĩ của bản thân</p> <p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p> <p><i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo.</p>	<p>2,0</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>1,0</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
2	<p>Đề bài: Em hãy viết một bài văn (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề lười biếng trong học tập của học sinh hiện nay.</p> <p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i></p> <p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về vấn đề lười biếng trong học tập của học sinh hiện nay.</p> <p><i>c. Nội dung</i> HS cần làm rõ các ý cơ bản sau: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề: * Thân bài: - Giải thích vấn đề: Lười học là tình trạng học sinh không có tinh thần học tập, chán nản và thiếu tập trung vào việc học. Điều này thể hiện qua các biểu hiện như không chú ý nghe giảng, không làm bài tập về nhà, và không chuẩn bị bài mới. - Thực trạng: + Học sinh lười học diễn ra ngày càng phổ biến, hầu như ở các lớp học từ khối 6 đến khối 9. + Học sinh thường xuyên không thuộc bài, không làm bài tập khi đến lớp. + Ngủ trong giờ học, không chú ý nghe giáo viên giảng bài. + Làm việc riêng trong giờ học. - Nguyên nhân:</p>	<p>4,0</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>2,5</p>

	<ul style="list-style-type: none"> + Do học sinh lười biếng, ham chơi, chỉ thích vui chơi giải trí, không thích học bài. + Do học sinh đó không thấy được tầm quan trọng của việc học, nên bỏ bê học hành. + Do thiếu sự quan tâm từ gia đình. + Học sinh nghiện game, nghiện mạng xã hội. + Do bạn bè rủ rê. - Tác hại: + Học sinh không nắm được kiến thức cơ bản, hỏng kiến thức. + Thành tích học tập giảm sút, bị điểm kém, đánh giá thấp. + Trở thành học sinh xấu, bị bạn bè và thầy cô không quý mến, xa lánh. + Phải chịu các hình phạt do thành tích kém, lười học ở trường và gia đình. - Giải pháp: + Gia đình cần quan tâm đến tình hình học tập của học sinh. + Chăm chỉ học tập, chú ý lắng nghe thầy cô giảng bài. + Tự có nhận thức được tầm quan trọng của việc học + Lập thời khóa biểu phù hợp để học tập khoa học hơn + Có ý thức chủ động trong việc học, không ỷ lại vào người khác. * Kết bài: - Khẳng định lại vấn đề cần nghị luận - Liên hệ bản thân 	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo.</i></p>	0,5
Tổng điểm		10,0

HẾT

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

XIN HÃY NHỚ SINH NHẬT MẸ TÔI

Hắn nằm bất động trên giường, ánh mắt thối thiết nhìn lên bức tranh trước mặt. Toàn thân nhức nhối, hắn không còn chút sức lực nào cử động được nữa. Năm 2008, hắn bị chuẩn đoán mắc bệnh ung thư cột sống. Năm 2009, bệnh đã biến hóa ác tính.

Một ngày tháng 6 năm 2010, đột nhiên hắn lăn ra ngất. Lần đó, bác sĩ khám lại và phát hiện bệnh đã lên não, có muốn phẫu thuật cũng không được nữa rồi. Để chữa bệnh cho hắn, cả nhà phải đổ biết bao tiền của, bán cả đồ đạc đi. Điều đó khiến hắn luôn cảm thấy như có hòn đá tảng đè nặng trong lòng. Khi biết được bệnh tình đã không còn cách gì để chữa trị, hắn thoáng mỉm cười: đó là một cách giải thoát! Ngày cuối cùng của cuộc đời, nên làm một chút gì đó cho thế giới này đây?

Đúng rồi! Mình sẽ hiến giác mạc! Với sự giúp đỡ của anh họ, hắn liên lạc được với ngân hàng mắt. Phóng viên địa phương nghe tin đến ngay. “Đời tôi thế là hết, chỉ muốn dốc chút lực tàn cuối cùng. Cũng là để giúp người khác.” Hắn yếu ớt trả lời câu hỏi của phóng viên. “Ngoài điều đó ra, anh còn muốn điều gì nữa không?”, “Có”. Hắn khẳng định. “Mẹ đã vất vả cả đời nuôi tôi, chạy ngược chạy xuôi chữa bệnh cho tôi, chịu biết bao khổ cực. Vậy mà tôi không có cơ hội báo đáp. Tôi chỉ có một nguyện vọng: hi vọng người nhận giác mạc có thể ghi nhớ ngày sinh nhật của mẹ vào ngày đó, nhớ chúc phúc cho mẹ...”. Đó là Trương Hải Thọ, 35 tuổi, thôn Diệp Thành, thành phố Đình Sơn, tỉnh Hà Nam. Nguyện vọng cuối cùng của đời hắn đã lay động cả thế giới.

(Theo Đàm Hải Phong – Tạp chí Đời sống đương đại <http://trannhuong.com>)

Thực hiện các yêu cầu/ Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. (0,5 điểm)

Văn bản trên thuộc thể loại gì? Nhân vật chính trong văn bản trên là ai?

Câu 2. (0,5 điểm) Chủ đề của văn bản trên là gì?

Câu 3. (1,0 điểm)

Câu văn: “Ngày cuối cùng của cuộc đời, nên làm một chút gì đó cho thế giới này đây?” có phải là câu hỏi tu từ không? Giải thích ý nghĩa của câu hỏi tu từ đó?

Câu 4. (1,0 điểm)

Theo em suy nghĩ và hành động của nhân vật “hắn” muốn hiến giác mạc trong câu chuyện là một việc làm như thế nào?

Câu 5. (1,0 điểm) Văn bản trên gợi cho em bài học gì?

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ văn bản đã đọc ở phần đọc hiểu. Em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận của mình về nhân vật “hắn” trong truyện *Xin hãy nhớ sinh nhật mẹ tôi*.

Câu 2. (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) nêu cảm nhận của em về bài thơ *Nguyên Tiêu* (Rằm tháng giêng) của Chủ Tịch Hồ Chí Minh.

Nguyên Tiêu

(Hồ Chí Minh)

Phiên âm:

*Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên
Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên
Yên ba thâm xứ đàm quân sự,
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.*

Dịch nghĩa

*Đêm nay, rằm tháng Giêng, trăng vừa đúng độ tròn đầy
Sông xuân, nước xuân tiếp liền với trời xuân.
Ở nơi khói sóng vắng lặng, bàn bạc việc quân,
Nửa đêm trở về, ánh trăng lấp đầy thuyền.*

Dịch thơ:

*Rằm xuân lồng lộng trăng soi,
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân;
Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.
(Xuân Thủy dịch)*

--- Hết ---

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Văn bản trên thuộc thể loại gì? Nhân vật chính trong văn bản trên là ai? - Thể loại: Truyện ngắn - Nhân vật chính trong văn bản là: hấn	0,25 0,25
	2	Chủ đề của văn bản trên là gì? Lòng tận hiếu của người con với mẹ của mình.	0,5
	3	Câu văn: "Ngày cuối cùng của cuộc đời, nên làm một chút gì đó cho thế giới này đây?" có phải là câu hỏi tu từ không? Giải thích ý nghĩa của câu hỏi tu từ đó? - Là câu hỏi tu từ (thuộc kiểu câu nghi vấn). - Không nhằm hỏi người khác trả lời, thể hiện sự trăn trở, suy nghĩ sâu sắc của nhân vật khi đối diện với cái chết. Bộc lộ khát khao được sống có ý nghĩa, muốn làm điều tốt đẹp, có ích trước khi ra đi. Gợi cho người đọc suy ngẫm về giá trị của cuộc sống: hãy sống có ích, đừng sống vô nghĩa.	0,5 0,5
	4	Theo em suy nghĩ và hành động của nhân vật "hấn" muốn hiển giác mạc trong câu chuyện là một việc làm như thế nào? Suy nghĩ và hành động của nhân vật "hấn" muốn hiển giác mạc trong câu chuyện là một việc làm: - Ý nghĩa, mang đầy tính nhân văn, - Giàu tấm lòng nhân ái.	0,5 0,5
	5	Văn bản trên gợi cho em bài học gì? - Bài học về tinh thần vượt lên hoàn cảnh bệnh tật của bản thân; bài học về một cuộc đời có ý nghĩa: sống là cho đi; - Bài học về tấm lòng hiếu thảo của người con...	0,5 0,5
II		VIẾT	6,0
	1	Đề: Từ văn bản đã đọc ở phần đọc hiểu. Em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận của mình về nhân vật "hấn" trong truyện <i>Xin hãy nhớ sinh nhật mẹ tôi</i> .	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn.	0,25
		b. Xác định đúng đối tượng/vấn đề: nêu cảm nhận của mình về nhân vật "hấn" trong truyện <i>Xin hãy nhớ sinh nhật mẹ tôi</i> .	0,25
	c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Dùng ngôi thứ nhất để viết. - Dùng các từ ngữ để liên kết các câu. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục đoạn văn *Mở đoạn: Dẫn dắt/ Giới thiệu: - Tác phẩm: " <i>Xin hãy nhớ sinh nhật mẹ tôi</i> " của tác giả Đàm Hải Phong.	1,0	

	<p>- Nhân vật: Trương Hải Thọ – một người con hiếu thảo với số phận nghiệt ngã.</p> <p>- Cảm nghĩ chung: Một câu chuyện đau thương nhưng lấp lánh tình người, để lại nỗi xúc động sâu sắc về sự hy sinh và lòng hiếu thảo.</p> <p>*Thân đoạn:</p> <p>- Tình yêu thương và lòng hiếu thảo:</p> <p>+ Sự dẫn vật của người con khi thấy gia đình khánh kiệt: <i>"như có hòn đá tảng đè nặng trong lòng"</i>.</p> <p>+ Nguyên vọng cuối cùng không dành cho bản thân mà dành cho mẹ: Mong người nhận giác mạc <i>"ghi nhớ ngày sinh nhật của mẹ"</i>.</p> <p>+ Tình yêu của anh vượt qua cái chết, muốn sự sống của mình tiếp tục để <i>"chúc phúc cho mẹ"</i>.</p> <p>- Sự hy sinh và trách nhiệm:</p> <p>+ Sẵn sàng hiến giác mạc khi biết mình không thể qua khỏi: <i>"dóc chút lực tàn cuối cùng để giúp người khác"</i>.</p> <p>+ Biến cái chết thành <i>"một cách giải thoát"</i> và một món quà cho cuộc đời.</p> <p>- Nghệ thuật đặc sắc:</p> <p>+ Ngôn ngữ: Nhẹ nhàng, tinh tế nhưng giàu sức gợi (ví dụ: <i>"ánh mắt thốt thiết", "lăn ra ngát"</i>).</p> <p>+ Sự kết hợp: Đan xen giữa miêu tả nỗi đau thể xác và biểu cảm nội tâm, làm nổi bật sự cao thượng của linh hồn trong một cơ thể bệnh tật.</p> <p>+ Hình ảnh đắt giá: Chi tiết về việc hiến giác mạc và lời dặn về ngày sinh nhật mẹ là nút thắt lấy đi nước mắt của người đọc.</p> <p>*Kết đoạn:</p> <p>- Khẳng định: Tác phẩm là bài ca về tình mẫu tử và lòng nhân ái bao la. Nhân vật Trương Hải Thọ đã <i>"lay động cả thế giới"</i> bằng trái tim ấm áp.</p> <p>- Ý nghĩa và bài học:</p> <p>+ Nhận ra giá trị của sự sẻ chia và lòng biết ơn.</p> <p>+ Tự nhắc nhở bản thân phải yêu thương cha mẹ nhiều hơn và sống có ích cho xã hội.</p>	
	<p>d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p>d. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	<p>Đề: Em hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) nêu cảm nhận của em về bài thơ <i>Nguyên Tiêu (Rằm tháng giêng)</i> của Chủ Tịch Hồ Chí Minh.</p> <p>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn phân tích một tác phẩm văn học.</p> <p>Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn</p> <p>b. Xác định đúng yêu cầu của bài văn: cảm nhận của em về bài thơ Nguyên Tiêu của Chủ Tịch Hồ Chí Minh.</p> <p>c. Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học bảo đảm các yêu cầu:</p> <p>1. Nội dung</p> <p>- Văn bản cần nêu rõ chủ đề xuyên suốt và sự vận động của mạch cảm xúc (tâm trạng của nhân vật trữ tình) từ đầu đến cuối bài thơ.</p> <p>- Tập trung làm rõ các yếu tố đặc thù của thơ và tác dụng của chúng đối với việc thể hiện nội dung.</p>	<p>4,0</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>2,5</p>

	<p>2. Hình thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống luận điểm phải chặt chẽ, logic và có sức thuyết phục. - Mọi nhận định cần có bằng chứng tin cậy được trích dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp từ tác phẩm. - Ngôn ngữ diễn đạt mạch lạc, trong sáng; tránh lặp ý hoặc gây khó hiểu. - Sử dụng hợp lý các phương tiện liên kết (từ nối, câu chuyển ý) để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận của bài viết. <p>3. Bố cục bài viết cần đảm bảo:</p> <p>*Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả Hồ Chí Minh, bài thơ Rằm tháng giêng. Cảm nhận chung về bài thơ Rằm tháng giêng. + Hoàn cảnh ra đời: Bài thơ được sáng tác tại chiến khu Việt Bắc, năm 1948 – những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. + Khái quát giá trị nội dung: Bài thơ miêu tả cảnh trăng sáng ở chiến khu Việt Bắc trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng của Bác Hồ. + Nghệ thuật: bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường... <p>*Thân bài</p> <p>a. Cảm nhận về cảnh thiên nhiên ở chiến khu Việt Bắc trong đêm trăng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh ánh trăng: “nguyệt chính viên” - trăng đúng lúc tròn nhất. => Không gian bao la, tràn ngập ánh trăng. - Sức sống của mùa xuân: “xuân giang, xuân thủy, tiếp xuân thiên” => Ba chữ “xuân” nối tiếp nhau thể hiện sức xuân và sắc xuân đang trỗi dậy. Khung cảnh tràn đầy sức sống. => Hai câu đầu đã khắc họa bức tranh thiên nhiên đêm rằm mùa xuân đẹp, bát ngát, rộng lớn và tràn đầy sức sống. <p>b. Cảm nhận về hình ảnh con người trong đêm trăng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công việc: “đàm quân sự” - bàn việc quân nghĩa là bàn việc kháng chiến, bàn việc sinh tử của của dân tộc. - Hình ảnh “trăng ngân đầy thuyền”: gợi sức lan tỏa của ánh trăng trong đêm rằm và qua đó thể hiện ý nguyện, mong muốn vươn tới thành công trong sự nghiệp cách mạng. => Hai câu thơ cuối cho thấy phong thái ung dung, lạc quan, luôn tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng và tâm hồn giao cảm, hòa hợp với thiên nhiên của Bác Hồ. <p>c. Nghệ thuật: thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, hình ảnh thơ mang màu sắc cổ điển mà bình dị, gần gũi...</p> <p>*Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ - Nêu cảm nhận về vẻ đẹp bài thơ Rằm tháng giêng. 	
	d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, có cách diễn đạt sinh động, sáng tạo...	0,5
	Tổng điểm	10,0

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc và trả lời các câu hỏi sau

THU VỊNH

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút.
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.

(*Nguyễn Khuyến*)

Câu 1. (0,5 điểm) Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. (0,5 điểm) Bài thơ trên sử dụng lối gieo vần nào , xác định vần được gieo trong bài thơ?

Câu 3. (1,0 điểm)

Bức tranh mùa thu trong Thu vịnh là bức tranh như thế nào?

Câu 4:(1,0 điểm)

Xác định biện pháp tu từ đảo ngữ trong hai câu thơ sau và nêu tác dụng của biện pháp đảo ngữ ?

“Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?”

Câu 5: (1,0 điểm)

Qua các hình ảnh về mùa thu trong bài thơ, tác giả thể hiện tình cảm gì với bài thơ?

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ ngữ liệu ở phần đọc hiểu em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm xúc của em về bài thơ “ *Thu vịnh*” của Nguyễn Khuyến.

Câu 2. (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) phân tích truyện ngắn “*Bố tôi*” của tác giả Nguyễn Ngọc Thuận.

BỐ TÔI

Tôi đi học dưới đồng bằng. Còn bố tôi, từ núi đồi hiểm trở, ông luôn dõi theo tôi.

Bao giờ cũng vậy, ông mặc chiếc áo kẻ ô phẳng phiu nhất, xuống núi vào mỗi cuối tuần. Ông rẽ vào bưu điện để nhận những lá thư tôi gửi. Lặng lẽ, ông vụng về mở nó ra. Ông xem từng con chữ, lấy tay chạm vào nó, rồi ép vào khuôn mặt đầy râu của ông. Rồi lặng lẽ như lúc mở ra, ông xếp nó lại, nhét vào bao thư. Ông ngồi trầm ngâm một lúc, khẽ mỉm cười rồi đi về núi.

Về đến nhà, ông nói với mẹ tôi: “Con mình vừa gửi thư về”. Mẹ tôi hỏi: “Thư đâu?”. Ông trao thư cho bà. Bà lại cẩn thận mở nó ra, khen: “Ôi, con mình viết chữ đẹp quá! Những chữ tròn, thật tròn, những cái móc thật bén. Chỉ tiếc là không biết nó viết gì. Sao ông không nhờ ai đó ở bưu điện đọc giùm?” Ông nói: “Nó là con tôi, nó viết gì tôi biết cả.” Rồi ông lại lấy thư, xếp vào trong tủ cùng những lá thư trước, những lá thư được bóc ra nhìn ngắm, chạm mặt rồi cất vào, không thiếu một lá, ngay cả những lá thư đầu tiên nét chữ còn non nớt.

Hôm nay là ngày đầu tiên tôi bước chân vào trường đại học. Một ngày khai trường đầu tiên không có bố. Bố tôi đã mất. Nhưng tôi biết bố sẽ đi cùng tôi trên những con đường mà tôi sẽ đi, suốt cả hành trình cuộc đời.

(Theo Nguyễn Ngọc Thuận, in trong “*Tuyển tập truyện ngắn hay viết cho thiếu nhi*” – Nxb Giáo dục Việt Nam, 2012.)

--- Hết ---

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? - Thất ngôn bát cú luật Đường	0,5
	2	Bài thơ trên sử dụng lối gieo vần nào ? xác định vần được gieo trong bài thơ? - Vần chân - Gieo vần ở chữ cuối câu thơ 1,4,6,8 (cao, nào, vào, dào)	0,25 0,25
	3	Bức tranh mùa thu trong Thu vịnh là bức tranh như thế nào? - Bức tranh thiên nhiên đẹp, thanh sơ, yên bình - Tĩnh lặng, gợi buồn.	0,5 0,5
	4	Xác định biện pháp tu từ đảo ngữ trong 2 câu thơ sau và nêu tác dụng? “Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái, Một tiếng trên không ngỗng nước nào?” Biện pháp đảo ngữ: “ <i>Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái.</i> ” - <i>Cấu trúc gốc:</i> Hoa năm ngoái nở mấy chùm trước giậu. - <i>Tác dụng:</i> Nhấn mạnh số lượng ít ỏi (mấy chùm) và cái sự ngỡ ngàng về thời gian (năm ngoái), gợi cảm giác về sự ngưng đọng, hoài cổ.	0,5 0,25 0,25
	5	Qua các hình ảnh về mùa thu trong bài thơ, tác giả thể hiện tình cảm gì với bài thơ? - Nỗi buồn u uẩn, niềm yêu quê hương tha thiết - Tâm trạng băn khoăn về trách nhiệm của bản thân trước vận mệnh dân tộc.	0,5 0,5
II		VIẾT	6,0
	1	Đề: Từ ngữ liệu ở phần đọc hiểu em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm xúc của em về bài thơ “ Thu vịnh” của Nguyễn Khuyến. <i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn.	2,0 0,25

	<p>b. Xác định đúng đối tượng/vấn đề: nêu cảm cảm xúc của mình về bài thơ “<i>Thu vịnh</i>” của Nguyễn Khuyến.</p>	0,25
	<p>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng ngôi thứ nhất để viết. - Dùng các từ ngữ để liên kết các câu. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục đoạn văn <p>*Mở đoạn: Dẫn dắt/ Giới thiệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả: Nguyễn Khuyến – nhà thơ lớn của văn học trung đại Việt Nam, nổi tiếng với chùm thơ mùa thu. - Tác phẩm: bài thơ <i>Thu vịnh</i> là một bức tranh thu đẹp, tĩnh lặng, giàu cảm xúc. - Nêu cảm nhận chung: bài thơ thể hiện vẻ đẹp mùa thu và tâm trạng sâu lắng của nhà thơ. <p>*Thân đoạn:</p> <p>a. Bức tranh mùa thu thanh sơ, yên tĩnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không gian thu: trời cao, nước trong, cảnh vật nhẹ nhàng. - Màu sắc: trong trẻo, dịu nhẹ (xanh, vàng nhạt...). - Đường nét: tinh tế, hài hòa → tạo cảm giác thanh bình, tĩnh lặng. <p>=> Cảm nhận: mùa thu hiện lên rất gần gũi, mang đậm hồn quê Việt Nam.</p> <p>b. Tâm trạng của nhà thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự tĩnh lặng của cảnh vật phản ánh tâm hồn thanh cao, cô tịch. - Ẩn chứa nỗi buồn nhẹ, suy tư về cuộc đời, thời thế. <p>=> Cảm nhận: không chỉ tả cảnh mà còn gửi gắm tâm sự kín đáo.</p> <p>c. Nghệ thuật miêu tả tinh tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ giản dị nhưng giàu sức gợi. - Hình ảnh chọn lọc, có hồn. - Sử dụng bút pháp chấm phá, lấy ít gợi nhiều. <p>=> Cảm nhận: nhà thơ quan sát tinh tế, thể hiện tài năng nghệ thuật đặc sắc.</p> <p>* Kết đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định giá trị bài thơ: vừa đẹp về cảnh, vừa sâu về tình. - Nêu cảm xúc cá nhân: yêu thích vẻ đẹp yên bình và tâm hồn thi nhân. 	1,0
	<p>d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên</p>	0,25

	kết câu trong đoạn văn.	
	đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Đề: Em hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) phân tích truyện ngắn “ <i>Bố tôi</i> ” của tác giả Nguyễn Ngọc Thuần.	4,0
	a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn phân tích một tác phẩm văn học. Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn	0,25
	b. Xác định đúng yêu cầu của bài văn: cảm nhận của em về truyện ngắn “<i>Bố tôi</i>” của tác giả Nguyễn Ngọc Thuần.	0,5
	c. Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học bảo đảm các yêu cầu: - Lựa chọn được phương thức biểu đạt phù hợp. - Trình bày hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. *Mở bài: - Giới thiệu tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả,...) - Nêu ý kiến khái quát về chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. *Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm. - Khái quát tác phẩm: Xuất xứ của truyện: in trong “ <i>Tuyển tập truyện ngắn hay viết cho thiếu nhi</i> ” – Nxb Giáo dục Việt Nam, 2012. - Nêu nội dung, chủ đề: Truyện kể về người bố của nhân vật “tôi”. Ông ở miền núi hiểm trở, có con học ở đồng bằng xa nhà. Ông dành cho con tình yêu thương sâu sắc, luôn dõi theo con từng ngày. Khi nhận được thư con gửi về ông vô cùng hạnh phúc, luôn trân trọng từng bức thư. Ngày con bước vào đại học cũng là ngày ông ra đi mãi mãi, đó là ngày khai giảng đầu tiên của nhân vật tôi khi không có bố đi cùng. Nhưng nhân vật tôi tin rằng bố sẽ luôn dõi theo mình. - Làm rõ nội dung, chủ đề: Chủ đề truyện được mở ra bằng tình huống gần gũi, đời thường nhưng lại xúc động bởi sự xa cách của hai bố con trong niềm thương nhớ khôn nguôi: “Tôi đi học dưới đồng bằng. Còn bố tôi, từ miền núi hiểm trở, ông luôn dõi theo tôi”. Cách vào đề ngắn gọn mà hấp dẫn, lôi cuốn người đọc dõi theo hành trình của hai bố con. + Chủ đề truyện thể hiện hình ảnh người bố hiện ra thật giản	2,5

dị, đòi thường những gây ấn tượng sâu sắc.

- Từng hành động người bố rất cẩn trọng: “Ông xem từng con chữ, lấy tay chạm vào nó, rồi ép lên khuôn mặt đầy râu của ông”... Những hành động đơn giản nhưng chứa tình yêu thương con vô bờ bến...

→ Người bố luôn dành cho con tình yêu thương sâu nặng, luôn dõi theo con từng bước đi.

+ **Một khía cạnh khác thể hiện chủ đề truyện đó là tình yêu thương, sự kính trọng và biết ơn sâu sắc của người con dành cho bố:**

- Khi đi học xa, người con luôn nhớ bố. Mỗi lời kể của người con đều có sắc thái xúc động rung rung.
 - Bố chính là điểm tựa vững chắc, luôn đứng sau che chở, động viên tinh thần con, vì vậy chắc chắn người con rất tự hào, kính trọng bố.
 - Và bố mát, những con vẫn cảm thấy bố luôn bên cạnh, suốt cả hành trình cuộc đời vì bởi sự yêu thương, quan tâm, hình bóng bố in sâu trong ký ức con.
- Đó là người con hiếu thảo, thấu hiểu tâm lòng của cha mẹ và luôn xứng đáng với tình cảm thiêng liêng ấy.

- **Chủ đề truyện còn gửi gắm bài học:** tình cảm cha con là tình cảm thiêng liêng, quý giá vì đây là cơ sở cội nguồn của tình yêu, quê hương, đất nước. Chúng ta cần yêu thương, kính trọng bố mẹ.

Phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc nghệ thuật của truyện.

- Kết hợp khéo léo các phương pháp kể, tả, biểu cảm khiến câu chuyện lôi cuốn, hấp dẫn.

- Cốt truyện ngắn gọn, tình huống truyện đơn giản, nhân vật người bố được đặt trong tình huống rất đời thường.

- Mạch truyện đi theo thứ tự thời gian, có đan xen hồi tưởng và đong kết những suy ngẫm sâu sắc, khiến câu chuyện có chiều sâu.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Nhân vật được xây dựng chủ yếu qua ngoại hình, hành động, lời nói, ngôn ngữ của nhân vật.

- Ngôn ngữ kể chuyện mộc mạc, bình dị, lôi cuốn.

→ Truyện Bố tôi chỉ là tình huống và những sự việc hết sức đời thường nhưng đem đến cho người đọc sự xúc động về tình phụ tử thiêng liêng, cao quý.

	<p>* Kết bài</p> <p>- Khẳng định lại ý kiến về chủ đề và một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm</p> <p>- Nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm.</p>	
	d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, có cách diễn đạt sinh động, sáng tạo...	0,5
Tổng điểm		10,0

--- Hết ---

UBND PHƯỜNG PHÚ AN
TRƯỜNG THCS PHÚ AN

MĐ: V9O1

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2025-2026

Môn: Ngữ văn - Lớp 9

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao phát đề)

Ngày kiểm tra: 20 /4/2026

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Ngày tháng bảy mưa rơi lớt thuốt
Chạnh lòng con sụt mướt canh thâu
Mẹ cha giờ khuất nơi đâu
Dương gian hay cõi thâm sâu ngút ngàn.
Đêm trở gió bàng hoàng tỉnh giấc
Nhớ công ớn chát ngát lòng đau
Mẹ cha khuất bóng đã lâu
Con chưa đền đáp ơn sâu cứu trùng.

Nhớ cái thưở bần cùng cạn kiệt
Cha đảm đương mãi miết vườn rau
Cơm canh khoai sắn bên nhau
Chắt chiu ngày tháng mong cầu vươn lên.
Thời gian vững lòng bền cha bước
Lên tỉnh thành sau trước lo toan
Đàn con sâm sập hiền ngoan
Mẹ thay cha dạy bảo ban con khờ.

Rồi đến lúc con thơ đã lớn
Bỏ mẹ cha về chốn phồn hoa
Đứa an phận đứa bôn ba
Xót xa con trẻ lệ nhòa đêm thâu
Khi con đã bắt đầu ổn định
Thì mẹ cha thân tịnh bất an
Mẹ đi về chốn mây ngàn
Cha thương nhớ mẹ võ vàng theo sau

Con chưa kịp ơn sâu đền đáp
Chỉ mong sao Phật Pháp nhiệm màu
Mẹ cha thoát kiếp khổ đau...
Luân hồi sanh tử nguyện cầu vãng sanh.

(Trích “Nhớ ơn cha mẹ” - Hoàng Mai)

Trả lời câu hỏi:

Câu 1: (0,5 điểm) Xác định thể thơ của văn bản trên?

Câu 2: (0,5 điểm) Theo tác giả, khi cha mẹ mất con đã nhớ đến những gì?

Câu 3: (1,0 điểm)

Tìm 2 yếu tố Hán Việt và giải thích 2 yếu tố Hán Việt được sử dụng trong những dòng thơ sau:

*Con chưa kịp ơn sâu đền đáp
Chỉ mong sao Phật Pháp nhiệm màu
Mẹ cha thoát kiếp khổ đau...
Luân hồi sanh tử nguyện cầu vãng sanh.*

Câu 4: (1,0 điểm)

Qua bài thơ “*Nhớ ơn cha mẹ*” của tác giả Hoàng Mai, em sẽ làm gì để thể hiện lòng biết ơn của mình đối với cha mẹ?

Câu 5: (1,0 điểm)

Trong bài thơ có câu “*Mẹ cha thoát kiếp khổ đau...*” . Em có đồng tình với quan điểm của câu thơ này không? Vì sao?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (Khoảng 200 chữ) phân tích nội dung chủ đề hoặc đặc sắc nghệ thuật của bài thơ “*Nhớ ơn cha mẹ*” của Hoàng Mai

Câu 2: (4,0 điểm)

“*Tuổi thiếu niên là tuổi của ước mơ và hoài bão*”, em hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về những việc bản thân cần làm để đạt được ước mơ mà mình mong muốn.

Hết

UBND PHƯỜNG PHÚ AN
TRƯỜNG THCS PHÚ AN

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC: 2025-2026

MĐ: V901

MÔN: NGỮ VĂN 9

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ: Song thất lục bát	0,5
	2	Theo tác giả, khi cha mẹ mất con đã nhớ: <ul style="list-style-type: none">- Nhớ cái thửa bần cùng cạn kiệt- Cha đảm đương mãi miết vườn rau- Cơm canh khoai sẵn bên nhau- Chắt chiu ngày tháng mong cầu vươn lên	0,5
	3	Yếu tố Hán Việt trong khổ thơ: <ul style="list-style-type: none">- Phật pháp: Phật: bậc giác ngộ (đạo Phật); Pháp: giáo lý → Chỉ giáo lý của đạo Phật.- Nhiệm màu: Có nghĩa là màu nhiệm, linh thiêng, huyền diệu.- Luân hồi: Luân: bánh xe (quay vòng); Hồi: trở lại → Chỉ sự tái sinh lặp đi lặp lại theo quan niệm Phật giáo.- Sanh tử: Sanh: sinh ra; Tử: chết → Chỉ vòng đời con người.- Nguyện cầu: Nguyện: ước mong; Cầu: cầu xin. Vãng sanh: Vãng: đi đến ; Sanh: sinh ra → Theo Phật giáo, chỉ việc được sinh về cõi an lành.	1,0
	4	<ul style="list-style-type: none">- Cố gắng học tập thật tốt để cha mẹ vui lòng.- Vâng lời, hiếu thảo với ông bà cha mẹ.- Chăm sóc cha mẹ khi cha mẹ ốm.- Yêu thương, quan tâm và biết ơn cha mẹ.	1,0
5	<ul style="list-style-type: none">- Hs có thể trả lời: Em đồng tình/ không đồng tình/ Vừa đồng tình vừa không đồng tình. Gợi ý: <ul style="list-style-type: none">- Em vừa đồng tình vừa không đồng tình	1,0	

		<p>- Vì: + Em đồng tình vì cha mẹ lo lắng cho chúng ta cả cuộc đời quá cực khổ, chỉ mong cha mẹ được nghỉ ngơi và có một cuộc đời hạnh phúc hơn. + Em không đồng tình vì cha mẹ còn trên cõi đời thì em sẽ dành tình yêu thương, lòng kính trọng dành cho cha mẹ.</p> <p><i>Lưu ý: GV linh động trong quá trình chấm điểm, HS có thể diễn đạt khác nhưng đúng nội dung.</i></p>	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích nội dung chủ đề hoặc đặc sắc nghệ thuật của bài thơ “Nhớ ơn cha mẹ” của Hoàng Mai	2,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p><i>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. .</i></p> <p><i>Dung lượng đoạn văn (cộng trừ 200 chữ)</i></p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</p> <p>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Chủ đề, đặc sắc nghệ thuật của bài thơ “Nhớ ơn cha mẹ” của Hoàng Mai</p>	0,25
	<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</p> <p><i>- Lựa chọn được các thao tác phù hợp, kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau:</i></p> <p>– Mở đoạn:</p> <p>+ Giới thiệu khái quát về tác giả, bài thơ Nhớ ơn cha mẹ của tác giả Hoàng Mai.</p> <p>+ Giới thiệu vấn đề và nêu cảm nghĩ chung về bài thơ.</p> <p>– Thân đoạn:</p> <p>+ Chủ đề: Lòng biết ơn của con cái dành cho cha mẹ.</p> <p>+ Thông điệp: Nhắc nhở chúng ta về trách nhiệm của mỗi người đối với gia đình.</p> <p>+ Phải biết yêu thương, quan tâm chăm sóc ông bà cha mẹ</p> <p>+ Thể hiện trách nhiệm và bổn phận của một người con đối với gia đình.</p> <p>+ Nghệ thuật: Thể thơ Song thất lục bát; lựa chọn từ ngữ, hình</p>	1,0	

	<p>ảnh; biện pháp tu từ, ...</p> <p>- Kết đoạn:</p> <p>+ Khái quát cảm nghĩ của bản thân về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ.</p> <p>+ Liên hệ bản thân.</p>	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p><i>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</i></p>	0,25
	<p>đ. Sáng tạo</p> <p><i>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</i></p>	0,25
2	<p>“<i>Tuổi thiếu niên là tuổi của ước mơ và hoài bão¹</i>”, em hãy viết một bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về những việc bản thân cần làm để đạt được ước mơ.</p>	4,0
	<p>a. Bảo đảm bố cục, dung lượng của bài văn nghị luận</p> <p><i>Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn</i></p> <p><i>Dung lượng bài văn (cộng trừ 600 chữ)</i></p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: những việc bản thân cần làm để đạt được ước mơ.</p>	0,5
	<p>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</p> <p>* MB: Giới thiệu vấn đề nghị luận</p> <p>* TB: Triển khai vấn đề nghị luận:</p> <p>- Giải thích:</p> <p>+ “ước mơ” là gì?</p> <p>+ Nêu vai trò của ước mơ</p> <p>- Những việc cần làm để có ước mơ:</p> <p>+ Xác định rõ ước mơ của bản thân và lên kế hoạch thực hiện bằng cách lập danh sách những việc cần làm, đặt thời gian cụ thể cho</p>	2,5

	<p>từng mục tiêu.</p> <p>+ Học hỏi và trau dồi kiến thức bằng việc đọc sách, tham gia các khóa học nâng cao kỹ năng, tư duy.</p> <p>+ Hành động kiên trì và bền bỉ như giữ thói quen làm việc mỗi ngày theo kế hoạch, chấp nhận thử thách, thậm chí cả thất bại.</p> <p>- Mở rộng: Phê phán những người không có ước mơ, không có mục tiêu sống</p> <p>*KB: Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân</p> <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p><i>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</i></p>	0,25
	<p>đ. Sáng tạo</p> <p><i>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</i></p>	0,5
Tổng điểm		10,0

Hết

MĐ: V902

Thời gian làm bài: 90 Phút
(Không kể thời gian giao đề)
Ngày kiểm tra: 20/ 4 / 2026

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

[...]Cứ đến chủ đề về ơn nghĩa sinh thành thì ngập tràn hộp thư “Thay lời muốn nói” sẽ là những câu xin lỗi ba mẹ từ các bạn trẻ. Là những lời xin lỗi được gửi đến những bậc ba mẹ còn sống. Mà, nội dung của những lời xin lỗi cũng... na ná nhau, kiểu như: “Con biết ba mẹ rất cực khổ vì con... Con biết con đã làm cho ba mẹ buồn rất nhiều. Con xin lỗi ba mẹ”. Xin lỗi, nhưng mình hay gọi đây là “những lời xin lỗi mang tính phong trào”, và những á náy ray rứt này là “những á náy ray rứt theo làn sóng”, mỗi khi có ai hay có chương trình nào gọi nhắc, thì các bạn mới sực nhớ ra. Mà khổ cái, bản thân những lời xin lỗi ấy sợ rằng khó làm người được xin lỗi vui hơn, bởi vì đâu đợi tới chính họ, ngay cả chúng mình là những người làm chương trình đây cũng đều hiểu rằng, có lẽ chỉ vài ngày sau chương trình, cùng với nhịp sống ngày càng nhanh ngày càng vội, cùng với lịch đi học, đi làm, đi giải trí sau giờ học, giờ làm..., những lời xin lỗi ấy sợ rằng sẽ sớm được vớt ra sau đầu; và những cảm giác á náy, ăn năn ấy sẽ sớm chìm sâu, chẳng còn mấy may gặp sóng. Cho đến khi... lại được nhắc mà sực nhớ ra ở lần kế tiếp. Điều đó, đáng buồn là một sự thật ở một bộ phận không nhỏ những người trẻ, bây giờ.

(Thương còn không hết..., ghét nhau chi, Lê Đỗ Quỳnh Hương, Nxb Trẻ, tr.31-32)

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản trên? (0.5 điểm)

Câu 2. Tác giả thể hiện tâm trạng như thế nào trước thực trạng những lời xin lỗi phong trào tràn ngập mỗi dịp làm về chủ đề ơn nghĩa sinh thành? (0.5 điểm)

Câu 3. Phân tích cấu trúc ngữ pháp của câu sau và cho biết đây là câu đơn hay câu ghép? (1,0 điểm)

Những lời xin lỗi ấy sợ rằng sẽ sớm được vớt ra sau đầu và những cảm giác á náy, ăn năn ấy sẽ sớm chìm sâu, chẳng còn mấy may gặp sóng.

Câu 4. Theo anh/chị, nguyên nhân nào dẫn tới những lời xin lỗi mang tính phong trào và những á náy ray rứt theo làn sóng trong ứng xử của một bộ phận không nhỏ những người trẻ ngày nay? (1.0 điểm)

Câu 5. Theo anh/chị, điều gì quan trọng nhất trong một lời xin lỗi? Vì sao? (1.0 điểm)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Từ thông điệp của đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) với chủ đề: *Giá trị của lời xin lỗi đúng cách.*

Câu 2. (4.0 điểm)

Phân tích bài thơ *Đi qua đời con* của tác giả Bình Nguyên Trang

ĐI QUA ĐỜI CON
(*Bình Nguyên Trang*)

Những mùa thu đi qua đời con
Gieo âm thanh bình yên
Trái chín rụng thơm triền miên lối ngõ
Rất chênh vênh là chiếc cầu ao nhỏ

Con gào lên vô thanh trong lặng im
Cha không thấy con lạc dòng mười tám tuổi
Mẹ không thấy con một mình rong ruổi
Ai qua những mùa thu không heo may.

Ngồi vói mùa thu con đợi mẹ về.
Men theo lối quen đá sỏi gồ ghề
Con đi giữa hai bờ toàn hoa dại
Nhưng cổ tích buồn cứ theo con mãi
Lạc một dòng sông con chẳng có thuyền về

Con nước ngàn năm đập nhịp vui đầy
Con lênh đênh giữa hai bờ cha mẹ
Rồi mùa thu đi qua, rồi mùa thu lặng lẽ
Thả nỗi niềm riêng lên gió mây.

Cha đi tìm con suốt dọc bờ đê
Có loài dế trâm ngâm không hát
Nỗi đợi chờ khiến hoa bìm rất nhạt
Màu tím buồn chạm cánh buốt vào tim

Bình Nguyên Trang tên thật là Vũ Thị Quỳnh Trang (1977), tốt nghiệp Học viện Báo chí và Tuyên truyền Hà Nội, hiện chị công tác tại chuyên đề Văn nghệ công an của báo Công an nhân dân. Chị đã từng là một thành viên trong hội bút Hương đầu mùa của báo Hoa học trò.

--Hết--

	<p>* Thân đoạn:</p> <p>1. Giải thích: Lời xin lỗi là lời nói, hành động thể hiện sự nhận thức và hối lỗi của mình khi có những suy nghĩ, hành động sai trái.</p> <p>2. Bàn luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì sao phải biết nói lời xin lỗi? + Xin lỗi đúng cách sẽ dễ nhận được sự đồng cảm tha thứ hơn. + Xin lỗi đúng cách sẽ giúp bạn thoải mái hơn vì được giải tỏa mặc cảm tội lỗi. + Xin lỗi đúng cách cũng góp phần nâng cao phẩm giá, nhân cách của chính bạn. - Cần phải biết nói lời xin lỗi như thế nào? Dẫn chứng + Xin lỗi một cách chân thành. + Phải biết nhận ra lỗi sai và sửa lỗi. <p>3. Mở rộng vấn đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều cách để thực hiện lời xin lỗi, tuy nhiên để lời xin lỗi có giá trị cao nhất, cần thực hiện nó đúng cách. <p>* Kết đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại vấn đề. - Cần rèn luyện cho mình một cái tâm chân thành để khi sai lỗi, biết nhận lỗi và thực hiện việc hối lỗi đúng đắn. 	
	d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích bài thơ “Đi qua đời con” của Bình Nguyên Trang	4,0
	a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,25
	b. Xác định đúng yêu cầu của bài văn: nghị luận văn học.	0,5
	c. Viết được bài văn nghị luận bảo đảm các yêu cầu:	2,5
	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được phương thức biểu đạt phù hợp. - Trình bày hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. <p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài thơ (nhan đề, tác giả) - Giới thiệu về nội dung và nghệ thuật của bài thơ <p>2. Thân bài</p> <p>* Phân tích nội dung (mạch cảm xúc, chủ đề, thông điệp...) của bài thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạch cảm xúc: Bài thơ mở ra với những cảm nhận dung dị, yên ả của nhân vật trữ tình như một lời thủ thỉ về bước đi của thời gian, khi mà “những mùa thu đi qua đời con” đang chậm chậm đưa con từ tuổi thơ đến bên bờ trưởng thành. - Thông điệp, chủ đề: Bài thơ là lời tâm sự của nhân vật trữ tình “con” – được miêu tả trong bài thơ là một cô thiếu nữ đang trên hành trình trưởng thành với những suy tư, tình cảm; cần được sự đồng hành và thấu hiểu của cha mẹ. Vì lí do gì đó, cô bé không có được những điều 	

này từ cha mẹ mình. Bài thơ là lời gửi gắm đến với những người làm cha làm mẹ, hãy giành thời gian để thấu hiểu con cái của mình; đồng hành cùng con trên chặng đường trưởng thành.

- Nội dung

+ Tuổi thơ con lớn lên trong không gian bình dị đó, thế nhưng cảm xúc, tình cảm của “con” lại không được bình yên như cây cỏ cảnh vật vậy. Nỗi chêngh vênh xuất hiện từ sự mong ngóng chờ mẹ về nơi cầu ao, cho đến khi cảm nhận được Nhung cô tích buồn cứ theo con mãi/ Lạc một dòng sông con chẳng có thuyền về. Cảm xúc lo lắng, trăn trở, cô đơn và chêngh vênh không có sự thấu hiểu khiến nhân vật trữ tình lạc lõng, buồn bã.

+ Sự trông mong được chia sẻ, được thấu hiểu của “con” ngày càng lớn dần lên, khi nỗi đợi chờ đã dần dần thành chai lì bớt theo thời gian và khiến nỗi buồn sâu buốt vào tim. Có lẽ rằng những tâm sự của một cô bé nhạy cảm đang trong thời kì thay đổi tâm lí không được thấu hiểu đúng như mong muốn nên khiến “con” buồn bã đó chẳng?

+ Đỉnh điểm của sự buồn bã đến bất lực khi cảm thấy không được đồng hành, sẻ chia và thấu hiểu đó là hành động Con gào lên vô thanh trong lặng im; âm thanh trong lòng mà không nói lên được, “gào” lên nhưng lại “vô thanh” và thêm không gian “lặng im” nữa càng làm rõ thêm sự buồn sâu trong tâm trạng của nhân vật trữ tình.

+ Dòng thời gian vẫn tiếp tục trôi, những mùa thu vẫn tiếp tục đi qua đời con nhưng có lẽ vẫn chưa tìm được sự thấu hiểu và đồng điệu; vì vậy mà “Con lênh đêngh giữa hai bờ cha mẹ” mà chưa tìm được bên đở, chưa tìm được sự thấu hiểu và bình yên cho riêng mình. Cuối cùng, “con” đành lặng lẽ gửi tâm sự, gửi nỗi niềm riêng của mình cho gió mây...

*** Phân tích những yếu tố nghệ thuật và tác dụng của chúng trong việc biểu đạt nội dung; nêu tác dụng của thể thơ tám chữ trong việc tạo nên nét đặc sắc của bài thơ**

- Bài thơ sử dụng những hình ảnh rất bình dị, gần gũi và quen thuộc khiến người đọc hình dung được một miền quê nhỏ yên ả trong tuổi thơ của nhân vật “con”: Trái chín rụng thơm triền miên, chiếc cầu ao nhỏ, lối quen đá sỏi gồ ghề, hoa dại, dọc bờ đê, loài dế, hoa bìm...

- Hình ảnh mùa thu được nhắc đến ở khổ đầu bài thơ, cùng với điệp lại Rồi mùa thu đi qua, rồi mùa thu lặng lẽ trong khổ thơ cuối khiến hình ảnh mùa thu xuyên suốt bài thơ; đồng hành cùng tuổi thơ con, đồng hành cùng những khắc khoải chờ đợi của con.

- Biện pháp nhân hóa “Có loài dế trầm ngâm không hát” gọi tả được sự im lìm, trầm tư của cảnh vật, như cũng đang nhuốm đầy tâm sự giống nhân vật “con” trong bài thơ.

- Biện pháp điệp ngữ được sử dụng trong bài thơ: “Cha không thấy con lạc dòng mười tám tuổi/ Mẹ không thấy con một mình rong ruổi” khiến người đọc cảm nhận rõ nét hơn về sự cô đơn, không được thấu hiểu của một cô con gái đang tuổi trưởng thành. Ở cái tuổi chêngh vênh giữa bé con và người lớn ấy, cần lắm sự dẫn dắt và đồng hành của cha mẹ, sự thấu hiểu của cha mẹ.

	<p>- Thể thơ tự do với cách ngắt nhịp linh hoạt, cách gieo vần chân khiến cho các dòng thơ có sự liên kết chặt chẽ.</p> <p>3. Kết bài</p> <p>- Khẳng định nội dung và nghệ thuật của bài thơ.</p> <p>- Liên hệ bản thân.</p>	
	d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, có cách diễn đạt sinh động, sáng tạo...	0,5
Tổng điểm		10,0

HẾT

1. MA TRẬN

TT	Thành phần năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						Tổng
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc	<i>Văn bản đọc hiểu</i>	5	2	10%	2	20%	1	10%	40%
II	Năng lực Viết	<i>Viết đoạn văn</i>	1	5%		5%		10%		20%
		<i>Viết bài văn</i>	1	7,5%		10%		22,5%		40%
Tỉ lệ %				22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng			7	100%						

2. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Chương / Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
I. Đọc hiểu	Thể loại: Thơ tự do	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được thể loại của văn bản. Nhận biết được chi tiết tiêu biểu trong văn bản. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hiểu được nội dung, chủ đề, đề tài thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. Nhận xét được tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện qua ngôn ngữ văn 	2	2	1

			<p>bản.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Trình bày được bài học về cách ứng xử được gợi ra từ văn bản, rút ra bài học cho bản thân.</p>			
II. Viết	1. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) : ghi lại cảm xúc của em về đoạn trích bài thơ “ <i>Ngày xưa có mẹ</i> ” của nhà thơ Thanh Nguyên.	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng: . Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) : ghi lại cảm xúc của em về đoạn trích bài thơ “<i>Ngày xưa có mẹ</i>” của nhà thơ Thanh Nguyên.</p>	1 *	1*	1*	
	2. Bài văn: Trình bày hiện tượng trong đời sống vứt xả rác bừa bãi.	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng: Bài văn (khoảng 600 chữ) trình bày hiện tượng trong đời sống vứt xả rác bừa bãi.</p>	1 *	1*	1*	
Tổng			2	2	3	
Tỉ lệ %			22,5 %	35%	42,5%	
Tỉ lệ chung			57,5%		42,5%	

1. MA TRẬN

TT	Thành phần năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
I	Năng lực Đọc	Văn bản đọc hiểu	5	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	40%
				2	10%	2	20%	1	10%	
II	Năng lực Viết	Viết đoạn văn	1	5%		5%		10%		20%
		Viết bài văn	1	7,5%		10%		22,5%		40%
Tỉ lệ %				22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng			7	100%						

2. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	I. Đọc hiểu	Văn bản nghị luận	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được các đặc điểm của một văn bản nghị luận. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản. Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. Tìm và nhận biết được ý nghĩa của các số từ trong văn bản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và 	2	2	1

			cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lí do. - Nêu được ý nghĩa mà bản thân rút ra được từ văn bản.			
2	II. Viét	1. Viét đoạn văn nghị luận về tư tưởng, đạo lý.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Viét đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của đức tính trung thực trong đời sống	1	1	1
		2. Viét bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Viét một bài văn (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề lười biếng trong học tập của học sinh hiện nay	1	1	1
Tổng				2	2	3
Tỉ lệ %				22,5 %	35%	42,5%
Tỉ lệ chung				57,5%		42,5%

1. MA TRẬN

TT	Thành phần năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
I	Năng lực Đọc	Văn bản đọc hiểu	5	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	40%
				2	10%	2	20%	1	10%	
II	Năng lực Viết	Viết đoạn văn	1	5%		5%		10%		20%
		Viết bài văn	1	7,5%		10%		22,5%		40%
Tỉ lệ %				22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng			7	100%						

2. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương /Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	I. Đọc hiểu	Thể loại: Truyện ngắn	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xác định đúng đặc điểm của truyện ngắn. Nhận diện được nhân vật và các sự kiện chính trong cốt truyện. Nhận biết được ngôi kể (người kể chuyện), bối cảnh (thời gian, không gian) và các biện pháp tu từ được sử dụng. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phân tích cách tác giả sử dụng tình huống truyện để bộc lộ tính cách nhân vật hoặc làm nổi bật chủ đề. Khái quát được tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm thông qua số phận nhân vật hoặc cái kết của truyện. Phân tích được thái độ, tình cảm của tác giả đối với các sự việc và nhân vật trong tác phẩm. Lí giải tại sao tác giả chọn ngôi kể 	2	2	1

			<p>đó, cách xây dựng tâm lý nhân vật có gì độc đáo và hiệu quả của các biện pháp tu từ trong việc khắc họa hình tượng.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách nhìn nhận về một vấn đề xã hội/con người sau khi đọc truyện. - Rút ra được bài học về lối sống, cách ứng xử hoặc giá trị nhân sinh mà bản thân tâm đắc. 			
2	II.Viết	1. Viết đoạn văn: nêu cảm nhận của bản thân về nhân vật trong truyện.	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Viết được đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận của mình về nhân vật “hắn” trong truyện <i>Xin hãy nhớ sinh nhật mẹ tôi</i>.</p>	1*	1*	1*
		2. Viết bài văn: Phân tích một tác phẩm văn học.	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Viết được bài văn (khoảng 600 chữ) nêu cảm nhận của em về bài thơ <i>Nguyên Tiêu (Rằm tháng giêng)</i> của Chủ Tịch Hồ Chí Minh.</p>	1*	1*	1*

Tổng		2	2	3
Tỉ lệ %		22,5 %	35%	42,5 %
Tỉ lệ chung		57,5%		42,5 %

1. MA TRẬN

TT	Thành phần năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
I	Năng lực Đọc	Văn bản đọc hiểu	5	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	40%
				2	10%	2	20%	1	10%	
II	Năng lực Viết	Viết đoạn văn	1	5%		5%		10%		20%
		Viết bài văn	1	7,5%		10%		22,5%		40%
Tỉ lệ %				22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng			7	100%						

2. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	I. Đọc hiểu	Thể loại: thơ song thất lục bát	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được thể loại và đặc điểm của thơ song thất lục bát <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Trình bày được thông điệp của văn bản. Phân tích được tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua các ý kiến nêu ra. Tìm và giải thích được ý nghĩa của các từ Hán Việt có trong văn bản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được ý nghĩa mà 	2	2	1

			bản thân rút ra được từ vấn đề nêu ra của văn bản.			
2	II. Viét	Viét đoạn văn nghị luận	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: II. VIẾT (6,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận (Khoảng 200 chữ) phân tích nội dung chủ đề hoặc đặc sắc nghệ thuật của bài thơ	1	1	1
		Viét bài văn nghị luận	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: II. VIẾT (6,0 điểm) Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về những việc bản thân cần làm.	1	1	1
Tổng				2	2	3

Tỉ lệ %		22,5 %	35%	42,5 %
Tỉ lệ chung		57,5%		42,5 %